

per

- 

Dovitad®

20 viên nén sủi



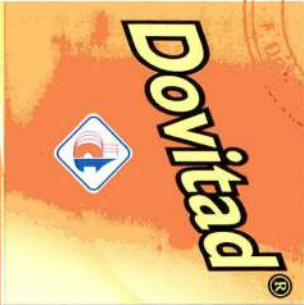
**Multivitamin
hương vị
cam**

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nén sủi chứa:

- Vitamin C	(Ascorbic acid)	75 mg
- Vitamin B1	(Thiamin mononitrat)	1,5 mg
- Vitamin B2	(Riboflavin natri phosphat)	2,0 mg
- Vitamin B5	(Pyridoxin hydrochlorid)	4,0 mg
- Vitamin PP	(Nicotinamid)	18,0 mg
- Vitamin B12	(Cobal D-panthothenat)	4,0 mg
- Vitamin B6	(Pyridoxin)	4,0 mg
- Vitamin B9	(Folac acidemim)	0,15 mg
- Vitamin B8	(D-Biotin)	0,15 mg
- Vitamin E	(d- α -Tocopheryl acetat)	1,55 mg
- Kẽm	(Kẽm sunfat)	20 μ g
- Đường	(Glucose)	1 viên nén sủi

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
 66 Đường Lê Sơ - TP. Cao Lãnh - Đồng Tháp
 (Vui lòng nhìn ISO 9001 : 2008 & ISO/IEC 17025)

NGÀY SX - SỐ LÔ SX - NS:



THÀNH PHẦN: Mỗi viên nén sủi chứa:

- Vitamin C (Acid ascorbic)	75 mg
- Vitamin B1 (Thiamin mononitrat)	1,5 mg
- Vitamin B2 (Riboflavin natri phosphat)	2,0 mg
- Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochlorid)	4,0 mg
- Vitamin PP (Nicotinamid)	18,0 mg
- Vitamin B5 (Calcii D-pantothenat)	6,5 mg
- Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	4,0 mcg
- Vitamin B9 (Acid folic)	0,4 mg
- Vitamin B8 (D-Biotin)	0,15 mg
- Vitamin E (di- α -tocopheryl acetat)	20 IU
- Kẽm (Kẽm sulfat)	1,55 mg
- Đồng (Đồng sulfat)	0,4 mg
- Tá dược vừa đủ	1 viên nén sủi

Dovitad[®]

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG & LIỀU DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TƯƠNG TÁC THUỐC, TÁC DỤNG PHỤ VÀ NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN: Nơi khô, mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

SĐK : TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: TCCS

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG



THÀNH PHẦN: Each effervescent tablet contains:

- Vitamin C (Ascorbic acid)	75 mg
- Vitamin B1 (Thiamine mononitrate)	1,5 mg
- Vitamin B2 (Riboflavin sodium phosphate)	2,0 mg
- Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)	4,0 mg
- Vitamin PP (Nicotinamide)	18,0 mg
- Vitamin B5 (Calcium D-pantothenate)	6,5 mg
- Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	4,0 mcg
- Vitamin B9 (Folic acid)	0,4 mg
- Vitamin B8 (D-Biotin)	0,15 mg
- Vitamin E (di- α -tocopheryl acetate)	20 IU
- Zn (Zinc sulfate)	1,55 mg
- Cu (Copper sulfate)	0,4 mg
- Excipients s.q.f	one effervescent tablet

Dovitad[®]

20 effervescent tablets

INDICATIONS, DOSAGE AND METHOD OF ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS, INTERACTIONS, SIDE EFFECTS AND OTHER PRECAUTIONS: Read the package insert.

STORAGE: Store in a cool, dry place. Protect from direct light.

REGISTRATION NUMBER: MANUFACTURER'S SPECIFICATION

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

READ CAREFULLY THE INSTRUCTIONS BEFORE USE

2. Nhân trung gian :
a). Nhân hộp 1 tủy x 20 viên nén sủi.

Handwritten signature.

Toa hướng dẫn sử dụng

DOVITAD®

* **Thành phần:** Mỗi viên nén sủi chứa

- Vitamin C (acid Ascorbic).....	75 mg
- Vitamin B1 (Thiamin mononitrat).....	1,5 mg
- Vitamin B2 (Riboflavin natri phosphat).....	2,0 mg
- Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochlorid).....	4,0 mg
- Vitamin PP (Nicotinamid).....	18,0 mg
- Vitamin B5 (Calci D-Pantothenat).....	6,5 mg
- Vitamin B12 (Cyanocobalamin).....	4,0 mcg
- Vitamin B9 (acid Folic).....	0,4 mg
- Vitamin B8 (D-Biotin).....	0,15 mg
- Vitamin E (dl- α tocopheryl acetat).....	20 IU
- Kẽm (Kẽm sulfat).....	1,55 mg
- Đồng (Đồng sulfat).....	0,4 mg
- Tá dược: Acid citric, Natri bicarbonat, đường trắng, Povidon K30, Sorbitol, Polyethylen glycol 6000, Aspartam, màu sunset yellow, mùi cam.....	vừa đủ 01 viên nén sủi

* **Dạng bào chế:** Viên nén sủi, dùng uống.

* **Qui cách đóng gói:**

- Tuýp x 20 viên nén sủi.

* **Các đặc tính dược lý:**

Multivitamin đáp ứng các nhu cầu về vitamin và khoáng chất cho những bệnh nhân mới ốm dậy, sau phẫu thuật, trẻ em đang trong thời kỳ phát triển, và phụ nữ suốt trong thời kỳ mang thai, nuôi con bú. Thời kỳ này, người phụ nữ rất cần bổ sung các chất dinh dưỡng để thỏa mãn nhu cầu của thai nhi, đồng thời chống lại tác nhân gây ra chứng stress gặp phải trong thời kỳ mang thai và nuôi con bú.

- Vitamin B1 có tác dụng phòng và trị bệnh beri-beri thường gặp trong thời kỳ mang thai, và trẻ em vị thành niên.

- Vitamin B6 ngăn ngừa các rối loạn thần kinh trong khi mang thai (co giật, buồn nôn, ói mửa, viêm dây thần kinh) và ngăn ngừa các nguy cơ nhiễm độc do thai nghén.

- Ngoài ra các vitamin nhóm B, vitamin C, acid folic và các nguyên tố vi lượng giúp cho cơ thể phòng ngừa và điều chỉnh các thiếu hụt vitamin, thiếu máu, giảm bạch cầu hạt.

Thuốc được hấp thu tốt qua hệ tiêu hóa. Phần lớn thuốc thải trừ qua đường tiểu. Riêng nguyên tố đồng chủ yếu thải trừ qua đường mật.

* **Chỉ định:**

- Phòng và điều trị thiếu vitamin và vi chất trong một số trường hợp như: chế độ ăn thiếu cân bằng dinh dưỡng, phục hồi sức khỏe cho người dưỡng bệnh, sau phẫu thuật, trẻ em đang tăng trưởng.

* **Chống chỉ định:**

- Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

- Dùng liều cao cho người thiếu men G₆PD (nguy cơ thiếu máu huyết tán), người có tiền sử sỏi thận, tăng oxalat niệu và rối loạn chuyển hóa oxalat, bị bệnh thalassemia (tăng nguy cơ hấp thu sắt).

- Sỏi thận oxalat calci (khi dùng liều vitamin C cao hơn 1 g/ngày).

- Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.

* **Thận trọng:**

- Vitamin C dùng liều cao, kéo dài có thể dẫn đến hiện tượng nhờn thuốc, do đó khi giảm liều sẽ dẫn đến thiếu hụt vitamin C.

- Uống liều lớn vitamin C có thể tăng oxalat niệu. Phụ nữ mang thai uống liều lớn vitamin C đã dẫn đến bệnh scorbut ở trẻ sơ sinh và người bệnh thiếu hụt G₆PD có thể bị chứng tan máu, huyết khối tĩnh mạch sâu.

- Vitamin C có thể gây acid - hóa nước tiểu, đôi khi dẫn đến kết tủa urat hoặc cystin, hoặc sỏi oxalat, hoặc thuốc trong đường tiết niệu.

- Uống thuốc vào buổi tối có thể gây khó ngủ do tính chất gây hưng phấn nhẹ của Vitamin C.

- Đối với người đang theo chế độ ăn kiêng muối cần chú ý vì thuốc có chứa Natri.

- Người có tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan, bệnh gút, viêm khớp do gút, và bệnh đái tháo đường.

- Thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú.

* **Tương tác thuốc:**

Ở liều rất cao (uống quá 5 viên 1 ngày) một số vitamin có thể làm giảm hiệu lực của phenytoin, phenobarbital, primidon, levodopa.

* **Tác dụng phụ:**

- Thường gặp: Tăng oxalat niệu, buồn nôn, đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rất bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da.

- Ít gặp: Thiếu máu tan máu, suy tim, chóng mặt, nhức đầu, mệt mỏi, ợ nóng, chán ăn, đầy hơi, đau khi đói, tiêu chảy, đau cạnh sườn. Loét dạ dày tiến triển, khô da, tăng sắc tố, vàng da, suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm, tăng glucose huyết, tăng uric huyết, cơn phẫn vị - huyết quản, đau đầu, nhìn mờ, hạ huyết áp, tim đập nhanh, ngất.



- Hiếm gặp: Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất thường [tăng bilirubin huyết thanh, tăng AST (SGOT), ALT (SGPT) và LDH], thời gian prothrombin bất thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ.
Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

* **Cách dùng và liều dùng:** dùng uống, hòa tan hoàn toàn viên thuốc trong 200ml nước:

* Người lớn: Mỗi lần uống 1 viên, ngày uống 2 lần.

* Trẻ em trên 2 tuổi: Mỗi lần uống ½ viên, ngày uống 2 lần.

* Lưu ý : Đóng kín nắp tuýp ngay sau khi sử dụng.

* **Quá liều:**

Những triệu chứng quá liều gồm sỏi thận, buồn nôn, viêm dạ dày và ỉa chảy. Gây lợi tiểu bằng truyền dịch có thể có tác dụng sau khi uống liều lớn.

* **Khuyến cáo:**

- Đọc kỹ hướng dẫn trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin hỏi ý kiến của Bác sĩ.

- Để xa tầm tay trẻ em.

* **Bảo quản:**

- Nơi khô, mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

- Hạn dùng 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

* **Tiêu chuẩn áp dụng:** Tiêu chuẩn cơ sở.



Nơi phân phối và sản xuất:

Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế DOMESCO

Địa chỉ : 66 – Quốc lộ 30 – Phường Mỹ Phú - Cao Lãnh – Đồng Tháp

Điện thoại : 067-3859370 -3852278

TP Cao Lãnh, ngày 22 tháng 6 năm 2011

Giám Đốc cơ sở đăng ký và sản xuất



Huỳnh Trung Chánh

